TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁ THƯỚC** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HSST
Ngày 23 tháng 01 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Vũ Đại Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Cao Xuân Bằng

2. Bà: Lê Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HS ngày 10/01/2019, đối với các bị cáo:

1. Trương Văn H1, sinh năm 1968; Nơi sinh và Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện Th, tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 4/10; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Văn S (đã chết) và bà Bùi Thị K, sinh năm 1943; Có vợ: Hà Thị H, sinh năm 1969; Có ba con lớn nhất sinh năm 1991 nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày từ 05/11/2018, Hiện được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 21/CSĐT ngày 14/11/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Th và lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Th cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn L, sinh năm 1978; Nơi sinh và Nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện Th, tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới

tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Đức K sinh năm 1954 và bà Ngô Thị Th, sinh năm 1954; Có vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 1978; Có ba con lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày từ 05/11/2018, Hiện được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 22/CSĐT ngày 14/11/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Th và lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Th cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Văn T, sinh năm 1986; Nơi sinh: Xã Q, huyện Th; Nơi ĐKNKTT: Ấp 3, xã N, huyện Q, tỉnh N và Nơi cư trú: Phố Đ, xã N, huyện Th, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Ngọc Th sinh năm 1959 và bà Hà Thị Ư, sinh năm 1963; Có vợ: Lê Thị A; sinh năm 1986; Có ba con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 02/10/2015 bị Công an xã Cổ Lũng huyện Bá Thước xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc đã chấp hành xong ngày 02/10/2015. Bị bắt tạm giữ ngày từ 05/11/2018, Hiện được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 24/CSĐT ngày 14/11/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Th và lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Th cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Trương Thị S, sinh năm 1975; Nơi sinh và Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện Th, tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Văn N và bà Trương Thị N, sinh năm 1943; Không có chồng; Có một con sinh năm 1997; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày từ 05/11/2018, Hiện được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 23/CSĐT ngày 14/11/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Th và lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Th cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Phạm Thị H, sinh năm 1981; Nơi sinh và Nơi cư trú: Thôn M, xã Th, huyện Th, tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn Ấ (đã chết) và bà Phạm Thị Q, sinh năm 1956; Có chồng đã ly hôn; Con có hai con lớn sinh năm 1998 nhỏ sinh năm 2005; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày từ 05/11/2018, Hiện được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư

trú số 25/CSĐT ngày 14/11/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Th và lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Th cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6. Trương Thị Th, sinh năm 1966; Nơi sinh và Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện Th, tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 2/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Văn N (đã chết) và bà Trương Thị N, sinh năm 1943; Có chồng đã ly hôn; Con có hai con lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1991; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày từ 05/11/2018, Hiện được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 26/CSĐT ngày 14/11/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Th và lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Th cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

7. Hà Thị H2, sinh năm 1969; Nơi sinh và Nơi cư trú: Thôn M, xã Th, huyện Th, tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 0/10; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn N (đã chết) và bà Trương Thị M (đã chết); Có chồng: Trương Văn H, sinh năm 1968; Con có ba con lớn nhất sinh năm 1991 nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày từ 05/11/2018, Hiện được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 27/CSĐT ngày 14/11/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Th và lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Th cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo là: Ông Trịnh Văn Thịnh và bà Lê Thị Lượng Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa (xin xét xử vắng mặt).

* Người làm chứng:

1. Chị: Hà Thị H 3 Sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn M, xã Tr, huyện Th, tỉnh H.

2. Anh: Trương Thành H4 Ngày 15/5/ 2000 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn M, xã Th, huyện Th, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 05 phút ngày 05 tháng 11 năm 2018, Trương Văn H1 sinh năm 1968 ở thôn M, xã Th, huyện Th, tỉnh H, Lê Văn L sinh năm 1978 ở thôn V, xã T, huyện Th, tỉnh H, Phạm Thị H sinh năm 1981 ở thôn M, xã Th, huyện Th,tỉnh H, Trương Thị S sinh năm 1975 ở thôn L, xã Q, huyện Th, tỉnh H, Trương Thị Th sinh năm 1966 ở thôn L, xã Q, huyện Th, tỉnh H và Hoàng Văn T sinh năm 1986 đang tạm trú tại phố Đ, xã N, huyện Th, tỉnh H đang ngồi đánh bạc, trong chiếu bạc còn có Hà Thị H2 sinh năm 1969 ở thôn M, xã Th, huyện Th và Trương Thành H 4 sinh năm 2000 ở thôn M, xã Th, huyện Th và Hà Thị H3 sinh năm 1982 ở thôn M, xã Th, huyện Th, tỉnh H đang xem các đối tượng đánh bạc thì bị tổ tuần tra Công an huyện Th bắt quả tang hành vi đánh bạc ăn tiền, với hình thức đánh liêng tại nhà Trương Văn H1. Sau khi bị bắt các bị cáo khai nhận vào khoảng 20 giờ ngày 05/11/2018, khi Trương Văn H1 cùng vợ là Hà Thị H2 và con trai là Trương Thành H4 đang ở nhà thì có Lê Văn L; Hà Thị H3, Phạm Thị H; Trương Thị S và Trương Thị Th đến nhà H1 chơi. Trong lúc ngồi chơi uống nước thì H, L, S, Th và H1 cùng rủ nhau đánh bạc. Sau đó L, S, Th và H vào trong nhà ngồi xuống chiếu cói đã được chải sẵn tại phòng khách, còn H1 lấy một bộ bài tú lơ khơ của nhà mình đưa cho mọi người để đánh bạc trước rồi đi ra ngoài làm việc riêng. Khi L, S, Th và H đang chuẩn bị đánh bạc thì có Hoàng Văn T đến, thấy mọi người đang chuẩn bị đánh bạc nên T vay tiền của Hà Thị H2 số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng) để tham gia đánh bạc ăn tiền dưới hình thức đánh "Liêng". Quy định luật chơi: Trước khi chia bài thì mỗi ván bài từng người chơi đặt cược ra giữa chiếu là 10.000 đồng (mười nghìn đồng), người vừa thắng ván bài đó sẽ chia bài và chia đều cho mỗi người chơi 03 (ba) cây bài, người được chia bài có quyền đánh trước, mức thấp nhất là 10.000đ mức cao nhất là hết tiền trong chân mà trước khi chơi bỏ ra hoặc bỏ bài không đánh ván đó, sau đó đến người tiếp theo quy định theo vòng kim đồng hồ, nếu người tiếp theo chơi tiếp thì phải đánh tiền bằng người đánh tiền trước hoặc đánh hết tiền trong chân của mình có, hoặc đánh nhiều tiền hơn người đánh trước cứ như thế cho đến người chơi sau cùng, rồi tiếp tục lại từ đầu người đánh đầu cho đến khi ván bài đó không còn ai theo nữa và được thống nhất mức đặt cược thì lật bài. Nếu người nào không đặt cược tiếp mà bỏ bài thua, thì mất số tiền đã đặt cược trước, còn những người chơi còn lại so sánh bài với nhau nếu ai lớn nhất thì thắng và được lấy toàn bộ số tiền theo qui định. Cách tính điểm như sau: điểm cao nhất là 03 quân bài cùng loại, gọi là sáp như ba con át (AAA). Rồi

đến 03 quân bài có thứ tự liền kề nhau như QKA gọi là liêng. rồi đến 03 quân bài hình người như KKQ và 03 quân bài có tổng số điểm cao nhất là 09 điểm như QK9 cho đến bài không có điểm (không có nước) như KA9. Sau khi so sánh những ván bài với nhau thì bài nào bằng điểm nhau hoặc có hình người hay liêng giống nhau mà đều là bài cao nhất thì những ván bài đó được coi là hòa còn được gọi là trào, tổng số tiền đặt cược sẽ được chia đều theo những ván bài hòa, nếu người có ván bài thua đặt tiền cược bằng một suất của ván bài hòa thì người đó được chơi tiếp và cách chơi như ván bài mới, còn nếu không có ai đặt tiền cược thêm thì ván bài được chia lại cho những người bằng điểm nhau và cách chơi cũng chơi như một ván bài mới nhưng có số tiền lớn hơn nhiều so ván bình thường. Sau khi L, S, Th, H và T đánh bạc được khoảng 30 phút thì H1 vào tham gia đánh bạc cùng. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Th thua hết tiền nên Th hỏi vay tiền với H2 để tiếp tục đánh bạc nhưng H2 nói "đã cho T vay hết không còn tiền" nên Th đi về nhà mình lấy thêm 5.000.000đ (năm triệu đồng) rồi quay lại tiếp tục đánh bạc và tất cả đã bị bắt quả tang.

Tổ công tác Công an huyện Th đã thu giữ tại chiếu bạc: Số tiền 13.310.000đ (mười ba triệu ba trăm mười nghìn đồng) trong đó có 7.500.000đ của Lê Văn L đã ném từ trong túi quần xuống chiếu bạc, 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 (một) chiếu cói. Trong quá trình kiểm tra người bị tạm giữ Cơ quan điều tra còn thu giữ trên người của Hoàng Văn Th số tiền 6.330.000đ (sáu triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) là số tiền mà T có được từ việc đánh bạc. Cơ quan điều tra còn tạm giữ trên người của các bị can sau khi bắt quả tang gồm:

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG, màu: Trắng-Đen-Bạc và 01 (một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA, màu: Trắng-Đen, biển kiểm soát 36G5-208.40, đã qua sử dụng của Trương Thị S.

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu: Đen và 01 (một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA, màu: Đỏ-Đen, BKS 36B3-626.59, đã qua sử dụng của Trương Thị Th.

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG, màu: Trắng-Vàng-Hồng, đã qua sử dụng và 1.500.000đ trong túi quần và 7.500.000đ do L đã bỏ tiền xuống chiếu bạc vậy tổng số tiền là 9.000.000đ của Lê Văn L.

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu: Trắng-Vàng-Hồng, đã qua sử dụng của Phạm Thị H.

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu Trắng-Đen, đã qua sử dụng của Hoàng Văn T.

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA, màu: Trắng-Đen, biển kiểm soát 36G5-208.01, là xe mà Hoàng Văn T đã mượn của mẹ vợ là bà Nguyễn Thị A sinh năm 1959 ở phố Đ, xã N, huyện Th.

Trương Văn H1 dùng số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) để đánh bạc, Lê Văn L dùng số tiền 100.000đồng (một trăm nghìn đồng) để đánh bạc, Trương Thị S dùng 2.000.000đồng (hai triệu đồng) để đánh bạc, Phạm Thị H dùng số tiền 2.000.000đồng (hai triệu đồng) để đánh bạc, Hoàng Văn T dùng số tiền hơn 4.000.000đồng (bốn triệu đồng) trong đó là Hà Thị H2 đã cho Hoàng Văn T vay 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để đánh bạc còn Trương Thị Th dùng số tiền hơn 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để đánh bạc.

Trong quá trình điều tra xác định khi đi đánh bạc L mang theo 9.100.000đ (chín triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó có 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) để trong túi quần trước bên trái, còn 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) để trong túi quần sau bên phải và 100.000đ (một trăm nghìn đồng) để trong túi áo ngực bên trái. Lúc tham gia đánh bạc L chỉ sử dụng số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng) để trong túi áo ngực bên trái để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang do hoảng sợ nên L đã lấy 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) để trong túi quần trước bên trái ném xuống chiếu bạc và bị thu giữ cùng tang vật. Còn 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) L tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra để phục vụ quá trình điều tra. Như vậy số tiền L sử dụng để đánh bạc là 100.000đ (một trăm nghìn đồng).

Vậy tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là: 12.140.000đ (mười hai triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, sau khi xét hỏi và tranh luận, tất cả các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Cáo trạng số: 02/CT-VKSBT-TA, ngày 07/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Th, tỉnh H đã truy tố Trương Văn H1; Hà Thị H2; Lê Văn Lưu; Trương Thị Th; Phạm Thị H; Trương Thị S; Hoàng Văn T về tội " Đánh bạc", theo khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo: Trương Văn H1; Hà Thị H2; Lê Văn L; Trương Thị Th; Phạm Thị H; Trương Thị S; Hoàng Văn T phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng đối với các bị cáo:

1. Trương Văn H1: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên phạt mức án từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 đến 42 tháng.

2. Lê Văn L: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên phạt mức án từ 12 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 đến 36 tháng.

3. Hoàng Văn T: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên phạt mức án từ 12 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 đến 36 tháng.

4. Trương Thị S: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên phạt mức án từ 12 đến tháng 18 tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 đến 36 tháng. Phạt bổ sung số tiền từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ nộp vào ngân sách nhà nước. Bị cáo đã có đơn nộp tại phiên tòa về hoàn cảnh khó khăn và xin miễn tiền hình phạt bổ sung đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

5. Trương Thị Th: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên phạt mức án từ 12 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 đến 36 tháng.

6. Phạm Thị H: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên phạt mức án từ 12 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 đến 36 tháng.

7. Hà Thị H: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên phạt số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

Hình phạt tiền bổ sung: Tất cả các bị cáo đều được UBND xã xác nhận là gia đình thuộc diện khó khăn, không có công ăn việc làm ổn định, một số bị cáo

có sổ hộ nghèo, sống độc thân, nuôi con tàn tật, các bị cáo là người sống ở vùng kinh tế khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS

Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định trả lại toàn bộ tài sản cho các chủ sở hữu hợp, không có ai có ý kiến gì, đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Tịch thu sung quỹ số tiền: 12.140.000đ (mười hai triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng); Tịch thu tiêu hủy bộ bài 52 quân bài tú lơ khơ và 01 (một) chiếu cói tất cả đã qua sử dụng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo: Người bào chữa vắng mặt nhưng có gửi bài bào chữa Hội đồng xét xử công bố như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS để tuyên các bị cáo Trương Thị Th, Phạm Thị H, Hà Thị H2, Trương Thị S và Trương Văn H1 phạm tội "Đánh bạc" và đưa ra một mức hình phạt cải tạo không giam giữ phù hợp vừa thể hiện nghiêm minh, vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Hình sự Việt Nam, tạo điều kiện cho các bị cáo sữa chữa sai lầm, trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, là những hộ nghèo hoặc cận nghèo tại địa phương nên kính đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

1. Bị cáo Trương Văn H1: Bị cáo biết mình là người có tội, do bị cáo trình độ hiểu biết kém, là người dân tộc thiểu số nên xin được ở nhà làm ăn và hứa không có vi phạm pháp luật nữa.

2. Lê Văn L: Xin Hội đồng cho hưởng mức án nhẹ nhất để được ở nhà lo cho gia đình.

3. Trương Thị S: Xin mức án thấp nhất và xin được gửi đơn xin miễn hình phạt tiền bổ sung sau vì sự thật nhà bị cáo rất là khó khăn vất vả một mình nuôi con.

4. Phạm Thị H: Xin mức án thấp nhất ở nhà nuôi con và cải tạo tốt ở địa phương.

5. Hoàng Văn T: Mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và sự khoan hồng của nhà nước.

6. Trương Thị Th: Xin hưởng mức án thấp nhất để ở nhà cải tạo và lo cho gia đình.

7. Hà Thị H2: Tôi biết mình có lỗi xin được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, người bào chữa đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Hành vi của các bị cáo Trương Văn H1; Hà Thị H2; Lê Văn L;Trương Thị Th; Phạm Thị H; Trương Thị S; Hoàng Văn T cùng nhau chơi bài với hình thức chơi đánh "Liêng". Cách thức chơi là từng người chơi đặt cược ra 10.000đ, người vừa thắng ván bài đó sẽ chia bài cho mỗi người ba cây bài, sau đó người chia bài có quyền bỏ bài không chơi tiếp gọi là "chạy" hoặc tiếp tục đánh thì mức đánh tiếp số tiền thấp nhất là 10.000đ còn nhiều tiền nhất là hết trong chân, trước khi chia bài và người tiếp theo sẽ theo người đánh trước bắt bằng hoặc đánh cao hơn, theo ít hơn vì hết tiền trong chân ít hơn hoặc bỏ chạy tức là không theo và cứ như thế cho đến người cuối cùng. Nếu ai bằng nhau hoặc giống nhau thì hòa gọi là "trào" và chia đều tất cả số tiền vừa mới đặt cược cho những ván bài trào lấy một phần cho những người thua đóng bằng để đánh tiếp và cách chơi như ván mới nhưng số tiền trên chiếu ván đó sẽ lớn hơn rất nhiều. Tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 12.140.000đ (mười hai triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Hành vi của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Như vậy Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trương Văn H1; Hà Thị H2; Lê Văn L; Trương Thị Th; Phạm Thị H; Trương Thị S; Hoàng Văn T phạm tội "Đánh bạc" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Vụ án thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, tính chất và mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hại không lớn cho xã hội, ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội. Các bị cáo có nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm nên phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp. Vai trò các bị cáo trong vụ án theo Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì đây thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn Trương Văn H1 vị trí thứ nhất là chủ nhà và là người đưa bài cho mọi người chơi rồi cùng tham gia đánh bạc sau đó đến những người như Lê Văn L; Trương Thị S; Phạm Thị H; Trương Thị Th cùng nhau ngồi xuống trước và bắt đầu chơi thì Hoàng Văn T đến chơi luôn, cuối cùng là Hà Thị H2 là người cho T vay tiền đánh bạc.

Động cơ và mục đích của các bị cáo là đến nhà Trương Văn H1 để uống nước rồi cùng nhau đánh bài cho vui.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tiền án, tiền sự của tất cả các bị cáo đều không có; Về nhân thân có 06 (sáu) bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự; đối với Hoàng Văn T đã bị xử phạt hành chính từ ngày 02/10/2015 nên cần phải xử phạt nghiêm hơn. Nhưng khi lượng hình phạt cũng cần xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo vì sau khi bị bắt và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo; tỏ ra rất ăn năn hối cải; các bị cáo đa số là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, đều được chính quyền địa phương xác nhận là lao động chính trong nhà, gia đình có điều kiện hoàn cảnh rất khó khăn; đối với Trương Văn H1 có bố đẻ được tặng Kỷ niệm chương chiến sỹ Trường sơn đường Hồ Chí Minh nên cho bị cáo hưởng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; tất cả các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015;

Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ; trước khi phạm tội các bị cáo là người có nhân tốt được chính quyền địa phương xác nhận chấp hành tốt mọi quy định của địa phương; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng cải tạo và nếu không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, các bị cáo đều ở khu vực đặc biệt khó khăn, một số là người dân tộc thiểu số, còn lại cũng đã sinh sống lâu ở vùng miền núi, do nhất thời vui chơi mà phạm tội nên cho các bị cáo được hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với bị cáo Hà Thị H2 do cho vay tiền đánh bạc chỉ cần phạt tiền là có khả năng cải tạo, nên áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Theo mức đề nghị hình phạt và hình phạt bổ sung của Viện kiểm sát tại phiên tòa cho tất cả các bị cáo, là phù hợp đủ để giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Quan điểm của những người bào chữa: Về phần hình phạt bổ sung là phù hợp.

Các bị cáo đều là gia đình hoàn cảnh rất khó khăn, ở nơi có vùng đặc biệt kinh tế khó khăn, một số gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo, nuôi con tàn tật, không có công ăn việc làm ổn định, nên không áp hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo được chấp nhận.

Đối với Trương Văn H1 là chủ nhà và cùng tham gia đánh bạc, khi các bị cáo đánh bạc thì không thu tiền hồ, tiền điện nên không có căn cứ để Công an điều tra xem xét thêm, Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác: Ngày 02/01/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định trả lại toàn bộ tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp mà Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG, màu: Trắng-Đen-Bạc và 01 (một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA, màu: Trắng-Đen, biển kiểm soát 36G5-208.40, đã qua sử dụng cho Trương Thị S.

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu: Đen và 01 (một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA, màu: Đỏ-Đen, BKS 36B3-626.59, đã qua sử dụng trả cho Trương Thị Th.

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG, màu: Trắng-Vàng-Hồng, đã qua sử dụng và 1.500.000đ trong túi quần và 7.500.000đ do L đã bỏ tiền xuống chiếu bạc vậy tổng số tiền là 9.000.000đ. Trả cho Lê Văn L.

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu: Trắng-Vàng-Hồng, đã qua sử dụng trả cho Phạm Thị H.

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu Trắng-Đen, đã qua sử dụng trả cho Hoàng Văn T.

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA, màu: Trắng-Đen, biển kiểm soát 36G5-208.01, là xe mà Hoàng Văn T đã mượn của mẹ vợ là bà Nguyễn Thị A sinh năm 1959 ở phố Đ, xã N, huyện Th. Trả cho Nguyễn Thị A.

Các chủ sở hữu hợp pháp đã nhận đầy đủ tài sản không có ai có ý kiến gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Số tiền 12.140.000đ (mười hai triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng). tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành theo biên lai số AA/2010/004916, ngày 09/01/2019. Số tiền thu được do các bị cáo dùng để đánh bạc là vật chứng thì bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Tịch thu tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây bài và một chiếu cói tất cả đã qua sử dụng.

Toàn bộ vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th theo biên bản giao nhận vật chứng số 06 ngày 09/01/2019.

[4] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trương Văn H1.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với tất cả các bị cáo gồm: Lê Văn L; Trương Thị S; Hoàng Văn T; Phạm Thị H; Trương Thị Th.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hà Thị H2.

Tuyên bố các bị cáo: Trương Văn H1; Hà Thị H2; Lê Văn L; Trương Thị Th; Phạm Thị H; Trương Thị S và Hoàng Văn T phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt các bị cáo:

1. Trương Văn H1 20 (hai mươi) tháng tù cho được hưởng án treo. Thời gian thử thách 40 (bốn mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
2. Hoàng Văn T 18 (mười) tháng tù cho được hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
3. Trương Thị Th 16 (mười sáu) tháng tù cho được hưởng án treo. Thời gian thử thách 32 (ba mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
4. Phạm Thị H 16 (mười sáu) tháng tù cho được hưởng án treo. Thời gian thử thách 32 (ba mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
5. Trương Thị S 16 (mười sáu) tháng tù cho được hưởng án treo. Thời gian thử thách 32 (ba mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
6. Lê Văn L 16 (mười sáu) tháng tù cho được hưởng án treo. Thời gian thử thách 32 (ba mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao người bị kết án gồm (Trương Văn H1 và Lê Văn L) cho Ủy ban nhân dân xã T; (Hoàng Văn T) cho Ủy ban nhân dân xã N; (Trương Thị S và Trương Thị Th) cho Ủy ban nhân dân xã Q; (Phạm Thị H) cho Ủy ban nhân dân xã Th huyện Th, tỉnh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

7. Hà Thị H2 số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Điểm a, b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Xử: Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 12.140.000đ (mười hai triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự

huyện Th theo biên lai số AA/2010/004916 ngày 09/01/2019. Tịch thu tiêu hủy bộ 52 cây bài tú lơ khơ và một chiếu cói tất cả đã qua sử dụng.

Toàn bộ vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th theo biên bản giao nhận vật chứng số 06 ngày 09/01/2019.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo: Trương Văn H1; Hà Thị H2; Lê Văn L; Trương Thị Th; Phạm Thị H; Trương Thị S; Hoàng Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày 23 tháng 01 năm 2019.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Tòa án nhân dân tỉnh H;
- Sở Tư pháp tỉnh H;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Th;
- UBND xã T, N, Q, Th, huyện Th;
- Công an huyện Th;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Đại Long